

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢM TRỪ GIA CẢNH TRONG LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN KHÁNH LY

Sinh viên khóa 47, Trường Đại học Luật Hà Nội

47th Cohort Student, Hanoi Law University

Email: khanhlynk0712@gmail.com

Ngày nhận bài: 6/7/2026

Ngày sửa bài: 20/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 3/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về giảm trừ gia cảnh trong Luật Thuế thu nhập cá nhân, tập trung vào phạm vi áp dụng, đối tượng được giảm trừ, mức giảm trừ, điều kiện xác định người phụ thuộc và cơ chế quản lý. Trên cơ sở nghiên cứu quy định pháp luật hiện hành, kết hợp tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia, bài viết chỉ ra những kết quả đạt được cũng như các hạn chế của pháp luật hiện hành, như cơ chế điều chỉnh mức giảm trừ chưa theo kịp biến động kinh tế - xã hội, quy định về người phụ thuộc còn thiếu linh hoạt và công tác quản lý còn gặp khó khăn. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về giảm trừ gia cảnh theo hướng bảo đảm tính công bằng, minh bạch, phù hợp với khả năng nộp thuế của cá nhân và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Từ khóa: giảm trừ gia cảnh, thuế thu nhập cá nhân, người phụ thuộc, công bằng thuế, pháp luật thuế

Improving the legal framework on family circumstance deductions under personal income tax law in Vietnam

Abstract:

Family circumstance deductions constitute an important component of personal income tax law, helping ensure tax fairness and reflect taxpayers' actual ability to pay. This study analyzes Vietnamese legal provisions on family circumstance deductions, focusing on their scope of application, eligible persons, deduction levels, conditions for determining dependents, and administrative mechanisms. Based on an examination of current law and selected international experience, the study identifies achievements as well as limitations, including adjustment mechanisms that do not adequately keep pace with socioeconomic changes, insufficiently flexible rules on dependents, and difficulties in tax administration. The study proposes solutions to further improve the legal framework toward greater fairness, transparency, responsiveness to taxpayers' actual circumstances, and more effective tax administration.

Keywords: family circumstance deductions, personal income tax, dependents, tax fairness, tax law

1. Đặt vấn đề

Thuế thu nhập cá nhân được xây dựng trên nguyên tắc đánh thuế theo khả năng nộp thuế của cá nhân, trong đó giảm trừ gia cảnh (GTGC) là cơ chế pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm chi phần thu nhập vượt quá nhu cầu sinh hoạt tối thiểu mới thuộc diện chịu thuế. Quy định này không chỉ góp phần thực hiện công bằng thuế mà còn thể hiện tính nhân văn của chính sách thuế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế và biến động của chi phí sinh hoạt, nhiều quy định về GTGC đã bộc lộ những hạn chế, đặc biệt liên quan đến mức giảm trừ, điều kiện xác định người phụ thuộc, phạm vi áp dụng và cơ chế điều chỉnh. Mặc dù Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2026 đã có những sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, song vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện để bảo đảm chính sách thuế phản ánh đúng khả năng nộp thuế của cá nhân.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về thuế thu nhập cá nhân và GTGC, tuy nhiên phần lớn mới tập trung vào phân tích các quy định pháp luật hoặc bình luận chính sách. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về GTGC, đánh giá thực trạng áp dụng, chỉ ra những hạn chế và đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm bảo đảm tính công bằng, nâng cao hiệu quả quản lý thuế và đáp ứng yêu cầu cải cách chính sách thuế trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ sở lý luận pháp luật về giảm trừ gia cảnh trong Luật Thuế thu nhập cá nhân

2.1. Khái niệm, bản chất và đặc điểm của pháp luật về giảm trừ gia cảnh

Pháp luật về GTGC là hệ thống các quy phạm pháp luật quy định điều kiện, mức và phương thức loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế khoản thu nhập tương ứng với nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người nộp thuế (NNT) và người phụ thuộc trước khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Về bản chất, GTGC không phải là khoản miễn thuế, hoàn thuế hay ưu đãi đặc biệt mà là kỹ thuật tính thuế nhằm bảo đảm nguyên tắc công bằng theo khả năng nộp thuế, bảo vệ mức sống tối thiểu và góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội.

2.2. Chế định pháp luật này mang những đặc điểm đặc trưng căn bản:

Phạm vi áp dụng: GTGC được áp dụng đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú nhằm giảm căn cứ tính thuế thực tế.

Tính nhân thân: Việc áp dụng GTGC không chỉ dựa trên thu nhập mà còn gắn với hoàn cảnh gia đình và nghĩa vụ nuôi dưỡng của người nộp thuế.

Đối tượng thụ hưởng: Bao gồm bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc đủ điều kiện; mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần trong cùng kỳ tính thuế.

Hình thức quy định: Mức GTGC được xác định bằng số tiền cụ thể và được điều chỉnh theo sự biến động của điều kiện kinh tế - xã hội, đặc biệt là chỉ số giá tiêu dùng và mức sống thực tế.

Bảo đảm công bằng theo khả năng nộp thuế: Những người có cùng mức thu nhập nhưng hoàn cảnh gia đình khác nhau sẽ có nghĩa vụ thuế khác nhau, phù hợp với khả năng đóng góp thực tế.

2.3. Vai trò của giảm trừ gia cảnh trong chính sách thuế thu nhập cá nhân

Quy định về GTGC giữ vai trò trụ cột trong cấu trúc pháp luật thuế TNCN, thể hiện sự hài hòa giữa mục tiêu thu ngân sách nhà nước và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhân dân.

Bảo đảm mức sống tối thiểu: GTGC bảo vệ khoản thu nhập cần thiết để đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho NNT và gia đình trước khi Nhà nước động viên một phần thu nhập vào ngân sách.

Thực hiện công bằng xã hội: Công cụ này khắc phục tính cào bằng của chính sách thuế, bảo đảm nghĩa vụ đóng góp được phân bổ hợp lý dựa trên khả năng chịu thuế thực sự của từng hoàn cảnh gia đình.

Nâng cao tính tuân thủ pháp luật: Việc áp dụng GTGC thể hiện tính nhân văn của Nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội, từ đó khuyến khích NNT tự giác kê khai và giảm thiểu các hành vi gian lận, trốn thuế.

Điều tiết thu nhập và an sinh xã hội: GTGC giúp hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gánh nặng gia đình lớn, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

2.4. Nội dung pháp luật về giảm trừ gia cảnh trong Luật Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về GTGC được thể hiện qua các nội dung cơ bản sau:

Thu nhập được áp dụng: GTGC chỉ áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú.

Đối tượng được áp dụng: Bao gồm người nộp thuế và người phụ thuộc đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

Mức giảm trừ gia cảnh: Được xác định bằng số tiền cụ thể đối với người nộp thuế và mỗi người phụ thuộc; mức giảm trừ được điều chỉnh khi điều kiện kinh tế - xã hội có biến động theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều kiện áp dụng: Người nộp thuế phải là cá nhân cư trú; người phụ thuộc phải đáp ứng các điều kiện về độ tuổi, khả năng lao động, thu nhập và được đăng ký theo quy định.

Quản lý nhà nước: Cơ quan thuế thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và quản lý việc đăng ký, kê khai giảm trừ gia cảnh; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và kết nối dữ liệu nhằm hạn chế kê khai trùng lặp, phòng chống gian lận và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

3. Thực trạng và thực tiễn pháp luật về giảm trừ gia cảnh

Quy định về thu nhập được áp dụng giảm trừ gia cảnh

Theo Điều 19 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, được sửa đổi, bổ sung năm 2012, giảm trừ gia cảnh được áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú trước khi xác định thu nhập tính thuế. Quy định này phù hợp với nguyên tắc đánh thuế theo khả năng nộp thuế, bởi thu nhập từ lao động là nguồn thu nhập thường xuyên gắn với nhu cầu bảo đảm đời sống của người nộp thuế và người phụ thuộc.

Đối với các khoản thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, trúng thưởng và các khoản thu nhập phát sinh theo từng giao dịch, pháp luật không áp dụng giảm trừ gia cảnh. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế số làm xuất hiện nhiều nguồn thu nhập mới như kinh doanh trực tuyến, thương mại điện tử, sáng tạo nội dung hoặc lao động tự do. Việc chưa áp dụng giảm trừ gia cảnh đối với các đối tượng này có thể dẫn đến sự khác biệt về nghĩa vụ thuế giữa các cá nhân có khả năng nộp thuế tương đương, đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu mở rộng phạm vi áp dụng.

Quy định về đối tượng được giảm trừ gia cảnh

Theo pháp luật hiện hành, đối tượng được giảm trừ gia cảnh gồm bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc nhằm bảo đảm phần thu nhập phục vụ nhu cầu sinh hoạt tối thiểu không bị điều tiết thuế.

Việc cho phép giảm trừ đối với người phụ thuộc thể hiện nguyên tắc công bằng theo khả năng nộp thuế. Tuy nhiên, việc xác định người phụ thuộc còn gặp nhiều khó khăn do người nộp thuế phải cung cấp nhiều giấy tờ chứng minh; cơ sở dữ liệu giữa cơ quan thuế với các cơ quan liên quan chưa được kết nối đồng bộ; đồng thời, việc xác minh thu nhập của người phụ thuộc trong khu vực phi chính thức còn nhiều hạn chế.

Quy định về mức giảm trừ gia cảnh

Mức giảm trừ gia cảnh là căn cứ trực tiếp để xác định thu nhập tính thuế. Đến hết năm 2025, mức

giảm trừ là 11 triệu đồng/tháng đối với người nộp thuế và 4,4 triệu đồng/tháng đối với mỗi người phụ thuộc. Từ ngày 01/7/2026, mức này được điều chỉnh lên 15,5 triệu đồng/tháng và 6,2 triệu đồng/tháng tương ứng.

Việc điều chỉnh góp phần mở rộng ngưỡng thu nhập chưa phải nộp thuế và phù hợp hơn với sự gia tăng chi phí sinh hoạt. Tuy nhiên, cơ chế điều chỉnh vẫn còn hạn chế do khoảng cách giữa các lần điều chỉnh còn dài; mức giảm trừ được áp dụng thống nhất trên cả nước trong khi điều kiện kinh tế, mức sống giữa các vùng có sự khác biệt; đồng thời việc xác định mức giảm trừ chưa phản ánh đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân.

Quy định về điều kiện áp dụng giảm trừ gia cảnh

Giảm trừ gia cảnh được áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập thuộc diện chịu thuế. Người phụ thuộc phải đáp ứng các điều kiện về quan hệ nhân thân, độ tuổi, khả năng lao động, mức thu nhập và được đăng ký theo quy định. Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ cho một người nộp thuế trong cùng kỳ tính thuế nhằm hạn chế việc kê khai trùng.

Tuy nhiên, việc xác minh thu nhập, khả năng lao động của người phụ thuộc, đặc biệt đối với khu vực phi chính thức, còn nhiều khó khăn; thủ tục đăng ký và chứng minh vẫn yêu cầu nhiều giấy tờ, làm tăng chi phí và thời gian tuân thủ.

Quy định về quản lý nhà nước đối với giảm trừ gia cảnh

Quản lý giảm trừ gia cảnh được thực hiện thông qua đăng ký người phụ thuộc, kê khai, xác minh, kiểm tra và xử lý vi phạm. Cơ chế này góp phần bảo đảm chính sách được áp dụng đúng đối tượng và hạn chế việc lợi dụng để giảm nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, công tác quản lý còn một số hạn chế.

Thứ nhất, việc đăng ký và chứng minh người phụ thuộc vẫn còn nhiều thủ tục, nhất là trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc thông tin chưa thống nhất.

Thứ hai, cơ sở dữ liệu về thuế, dân cư, hộ tịch và bảo hiểm xã hội chưa được liên thông đầy đủ, gây khó khăn trong việc phát hiện kê khai trùng hoặc người phụ thuộc không còn đủ điều kiện.

Thứ ba, công tác kiểm tra, thanh tra chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ.

Thứ tư, việc hướng dẫn và áp dụng tại một số địa phương chưa thật sự thống nhất, có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của người nộp thuế.

Thực tiễn thực hiện giảm trừ gia cảnh trong Luật Thuế thu nhập cá nhân

Thời gian qua, chính sách giảm trừ gia cảnh đã góp phần bảo đảm công bằng thuế, mở rộng ngưỡng thu nhập chưa phải nộp thuế và tăng thu nhập khả dụng cho người lao động, đặc biệt đối với những người có người phụ thuộc. Qua đó, chính sách vừa bảo đảm nguồn thu ngân sách, vừa hỗ trợ thực hiện mục tiêu an sinh xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn áp dụng chính sách giảm trừ gia cảnh vẫn tồn tại một số hạn chế

Thứ nhất, mức giảm trừ có thời điểm được điều chỉnh chậm so với tốc độ tăng của giá cả và chi phí sinh hoạt, làm giảm khả năng phản ánh nhu cầu sống tối thiểu của người dân.

Thứ hai, mức giảm trừ được áp dụng thống nhất trên cả nước trong khi điều kiện kinh tế và chi phí sinh hoạt giữa các vùng có sự khác biệt đáng kể, từ đó ảnh hưởng đến tính công bằng của chính sách.

Thứ ba, phạm vi áp dụng giảm trừ chủ yếu tập trung vào thu nhập từ tiền lương, tiền công, trong khi nguồn thu nhập của cá nhân ngày càng đa dạng. Những người kinh doanh nhỏ lẻ, làm việc tự do hoặc có thu nhập từ nền kinh tế số có thể gặp bất lợi khi không được áp dụng cơ chế giảm trừ tương tự.

Thứ tư, thủ tục chứng minh và đăng ký người phụ thuộc vẫn còn tương đối phức tạp. Việc thiếu liên thông dữ liệu giữa các cơ quan làm tăng chi phí tuân thủ và gây khó khăn cho việc xác minh thông tin.

Thứ năm, công tác kiểm tra, thanh tra và cập nhật thông tin người phụ thuộc chưa thực sự đồng bộ, trong khi việc quản lý vẫn phụ thuộc nhiều vào sự tự giác của người nộp thuế.

Thứ sáu, chính sách giảm trừ gia cảnh chưa được liên kết chặt chẽ với hệ thống an sinh xã hội, khiến việc hỗ trợ người dân còn tương đối phân tán.

Những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách giảm trừ gia cảnh xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả về phương diện pháp lý, kinh tế xã hội và tổ chức thực hiện.

Thứ nhất, về pháp lý, cơ chế điều chỉnh mức giảm trừ chưa đủ linh hoạt và còn phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo từng thời kỳ. Điều này tạo ra độ trễ giữa chính sách với biến động thực tế của giá cả, thu nhập và mức sống.

Thứ hai, về kinh tế xã hội, thu nhập và chi phí sinh hoạt biến động nhanh, đồng thời có sự khác biệt lớn giữa các khu vực, trong khi pháp luật vẫn áp dụng một mức giảm trừ thống nhất trên phạm vi cả nước.

Thứ ba, về tổ chức thực hiện, hệ thống dữ liệu về người nộp thuế và người phụ thuộc chưa được kết nối đầy đủ với cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch và an sinh xã hội, gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu và cập nhật thông tin.

Thứ tư, thủ tục hành chính vẫn còn một số điểm chưa thuận tiện, trong khi nguồn lực kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế còn hạn chế. Việc hướng dẫn và áp dụng pháp luật tại một số địa phương chưa thật sự thống nhất.

Thứ năm, ý thức tuân thủ của một bộ phận người nộp thuế chưa cao. Trong điều kiện việc kiểm soát còn hạn chế, cơ chế tự khai có thể dẫn đến tình trạng kê khai chưa chính xác hoặc không cập nhật kịp thời thông tin về người phụ thuộc.

Nhìn chung, giảm trừ gia cảnh là cơ chế quan trọng nhằm bảo đảm nguyên tắc đánh thuế theo khả năng nộp thuế và bảo vệ phần thu nhập cần thiết cho đời sống của người dân. Chính sách đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn những hạn chế về phạm vi thu nhập được giảm trừ, mức giảm trừ, thủ tục xác định người phụ thuộc và hiệu quả quản lý. Những vấn đề này cần tiếp tục được xem xét trong quá trình hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giảm trừ gia cảnh trong Luật Thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay

Một là, hoàn thiện quy định về thu nhập được áp dụng giảm trừ gia cảnh.

Cần mở rộng phạm vi thu nhập được áp dụng giảm trừ gia cảnh đối với các khoản thu nhập có tính thường xuyên, ổn định và hợp pháp, không chỉ giới hạn ở thu nhập từ tiền lương, tiền công. Đồng thời, pháp luật cần quy định rõ tiêu chí xác định các khoản thu nhập đủ điều kiện giảm trừ, tăng cường ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông để kiểm soát nguồn thu nhập, kết hợp với cơ chế hậu kiểm và chế tài xử lý nghiêm các hành vi kê khai không trung thực nhằm bảo đảm tính công bằng và hạn chế thất thu thuế.

Hai là, hoàn thiện quy định về đối tượng giảm trừ gia cảnh.

Việc hoàn thiện quy định về đối tượng giảm trừ gia cảnh cần theo hướng linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế của người nộp thuế. Theo đó, cần nghiên cứu cơ chế điều chỉnh phù hợp với sự khác biệt về chi phí sinh hoạt giữa các vùng, đồng thời hoàn thiện tiêu chí xác định người phụ thuộc theo hướng cụ thể, minh bạch và có thể kiểm chứng. Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông và sử dụng mã định danh cá nhân để quản lý người phụ thuộc, kết hợp với cơ chế hậu kiểm và quy định rõ trách nhiệm kê khai nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Ba là, hoàn thiện quy định về mức giảm trừ gia cảnh.

Để bảo đảm mức GTGC phản ánh đúng điều kiện kinh tế - xã hội, cần xây dựng cơ chế điều chỉnh

tự động dựa trên các chỉ số kinh tế như CPI hoặc chi phí sinh hoạt và thực hiện cập nhật định kỳ. Đồng thời, có thể nghiên cứu áp dụng mức giảm trừ theo khu vực nhằm phản ánh sự khác biệt về mức sống giữa các địa phương. Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế và thường xuyên đánh giá tác động của mức giảm trừ để kịp thời điều chỉnh, bảo đảm tính linh hoạt và hiệu quả của chính sách.

Bốn là, hoàn thiện quy định về điều kiện áp dụng giảm trừ gia cảnh.

Pháp luật cần hoàn thiện các điều kiện áp dụng GTGC theo hướng vừa bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế, vừa tăng cường khả năng kiểm soát của cơ quan thuế. Theo đó, cần bổ sung quy định đối với một số trường hợp phù hợp như cá nhân không cư trú có thu nhập ổn định tại Việt Nam; chuẩn hóa tiêu chí xác định người phụ thuộc; tăng cường liên thông dữ liệu và áp dụng mã định danh cá nhân trong quản lý. Đồng thời, cần áp dụng cơ chế quản lý rủi ro, tăng cường hậu kiểm và xử lý nghiêm các hành vi kê khai sai nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả thực thi.

Năm là, hoàn thiện quy định về quản lý nhà nước đối với giảm trừ gia cảnh.

Việc hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với GTGC cần được thực hiện theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu và chuyển đổi số. Cần xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung, tăng cường phối hợp và chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý có liên quan, đồng thời áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong công tác kiểm tra, giám sát. Bên cạnh đó, cần quy định rõ trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cập nhật thông tin, nâng cao năng lực của cơ quan thuế và đẩy mạnh tuyên truyền để bảo đảm việc thực hiện chính sách thống nhất, minh bạch và hiệu quả.

Sáu là, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về GTGC, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thuế, xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ và liên thông giữa các cơ quan quản lý. Đồng thời, cần tăng cường thanh tra, kiểm tra theo phương pháp quản lý rủi ro, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thuế. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ của người nộp thuế, qua đó góp phần bảo đảm việc thực thi chính sách GTGC được hiệu quả, công bằng và minh bạch.

5. Kết luận

GTGC là chế định quan trọng trong pháp luật thuế thu nhập cá nhân, góp phần bảo đảm nguyên tắc công bằng theo khả năng nộp thuế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, đồng thời thực hiện mục tiêu an sinh xã hội. Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng, có thể thấy pháp luật về GTGC ở Việt Nam đã có nhiều bước hoàn thiện, đặc biệt thông qua việc điều chỉnh mức GTGC và hoàn thiện các quy định về người phụ thuộc. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như cơ chế điều chỉnh mức giảm trừ chưa linh hoạt, phạm vi áp dụng còn hẹp và công tác quản lý, xác minh người phụ thuộc còn gặp nhiều khó khăn.

Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về GTGC theo hướng bảo đảm tính công bằng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý thuế. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân, đáp ứng yêu cầu cải cách chính sách thuế và phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài chính. (2013). Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Bộ Tài chính. (2015). Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân.

Cổng thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật Hải Phòng. (2025). Quy định hiện hành về nộp thuế thu nhập cá nhân và giảm trừ gia cảnh. <https://pbgdpl.haiphong.gov.vn/Hoi-dap-phap-luat/Quy-dinh-hien-hanh-ve-nop-thue-thu-nhap-ca-nhan-va-giam-tru-gia-can-177960.html>

Chính phủ. (2013). Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Hoàng Minh. (2025). Áp mức giảm trừ gia cảnh mới: 2,18 triệu người sẽ không chịu thuế thu nhập cá nhân. VietnamFinance. <https://vietnamfinance.vn/ap-muc-giam-tru-gia-can-218-trieu-nguoi-se-khong-chiu-thue-thu-nhap-ca-nhan-d132271.html>

Hồng Hạnh và Đại Hoàng. (2025). Cấp thiết sửa đổi Luật Thuế thu nhập cá nhân. Nhân dân Thời nay. <https://cdn.nhandan.vn/files/9a2bf600e6b23ae40e96b81f85cec89b4226f49b34ea0b386dcb346f0168df4e074c38228c7cebeff98a769f6f36995434719368543a8b6c025b4e8b1351e35b7ae13cda333b1a658a4aa09dbd85477/docbao-ndthoinay-24022025-9596.pdf>

Huỳnh Văn Diện. (2016). Pháp luật thuế thu nhập cá nhân từ thực tiễn thành phố Cần Thơ (Luận án tiến sĩ). Học viện Khoa học xã hội.

Lục Giang. (2025). Lo ngại mức giảm trừ gia cảnh tăng 40% vẫn chưa theo kịp áp lực chi tiêu. Báo Lao Động. <https://laodong.vn/kinh-doanh/lo-ngai-muc-giam-tru-gia-can-40-van-chua-theo-kip-ap-luc-chi-tieu-1591739.laod>

Nguyễn Công Quốc Dũng. (2022). Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Nguyễn Thị Hồng. (2023). Quy định về các khoản giảm trừ trong thuế thu nhập cá nhân: Thực tiễn và kiến nghị hoàn thiện (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Hương. (2014). Pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân qua thực tiễn thi hành tại Chi cục Thuế quận Kiến An, Hải Phòng (Luận văn thạc sĩ). Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Xuân Cường. (2025). Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh trên nền tảng số (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Luật Hà Nội.

Quốc hội. (2007). Luật số 04/2007/QH12: Luật Thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 21/11/2007.

Quốc hội. (2012). Luật số 26/2012/QH13: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 22/11/2012.

Quốc hội. (2014). Luật số 71/2014/QH13: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, ban hành ngày 26/11/2014.

Quốc hội. (2025). Luật số 109/2025/QH15: Luật Thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 10/12/2025.

Thảo Miên. (2025). Nâng mức giảm trừ gia cảnh - Chính sách thuế lắng nghe đời sống người dân. Thời báo Tài chính Việt Nam. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nang-muc-giam-tru-gia-can-218-trieu-nguoi-se-khong-chiu-thue-thu-nhap-ca-nhan-d187055.html>

Thư viện Pháp luật. (2025). Nâng mức giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc lên 6,2 triệu đồng/tháng: Mức lương phải đóng thuế khi có 1 NPT. <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/chinh-sach-moi/98122/nang-muc-giam-tru-gia-can-218-trieu-nguoi-phu-thuoc-len-6-2-trieu-dong-thang-muc-luong-phai-dong-thue-khi-co-1-npt>

Trần Thị Thu Huyền. (2015). Pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp (Luận văn thạc sĩ). Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trường Đại học Luật Hà Nội. (2022). Giáo trình Luật Thuế Việt Nam. Nhà xuất bản Công an nhân dân.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2020). Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân.

Văn Tuấn. (2025). Nâng mức giảm trừ gia cảnh, giảm bớt nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế. Thời báo Tài chính Việt Nam. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nang-muc-giam-tru-gia-can-218-trieu-nguoi-se-khong-chiu-thue-thu-nhap-ca-nhan-d185370-185370.html>